

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **36/2023/HS-ST**
Ngày 23 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Duy Cường

Ông Cao Văn Phong

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2023/TLST-HS ngày 23/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS ngày 09/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Văn Đ, sinh năm 1988 tại xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn L, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D (Đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Lô Thị N1 và 2 con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 28/2017/HSST ngày 01/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt ngày 29/8/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/3/2023 đến ngày 31/3/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống (Có mặt).

2. Họ và tên: Hoàng Như T1, sinh năm 1985 tại xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn T3, xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Như N2 và bà Bùi Thị X; chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 20/2015/HSST ngày 31/8/2015, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt ngày 09/01/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/3/2023 đến ngày 31/3/2023 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nông Cống (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ:

Bà Nguyễn Thị Nữ Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (Vắng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người làm chứng

Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1959 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 461, đường B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 24/3/2023, tổ công tác Công an huyện Nông Cống phối hợp với Công an thị trấn Nông Cống tuần tra, kiểm soát trên địa bàn thị trấn Nông Cống thì phát hiện Lê Văn Đ, sinh năm 1988 ở thôn L, xã H, huyện N có nhiều biểu hiện nghi vấn. Tổ công tác tiến hành kiểm tra, phát hiện trong túi quần phía sau bên phải của Đ có 01 gói nhỏ được bọc bên ngoài bằng giấy trắng có dòng kẻ, bên trong là chất dạng cục vụn màu trắng ngà, theo Đ khai đó là ma túy (Loại heroin). Tổ công tác Công an huyện Nông Cống tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ, niêm phong vật chứng (Ký hiệu M1).

Qua đấu tranh, Lê Văn Đ khai nhận số ma túy trên là mua của Hoàng Như T1, sinh năm 1985 ở xã T2, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Hoàng Như T1 đến Công an huyện Nông Cống xin đầu thú và tự nguyện giao nộp 14 gói nhỏ theo như T1 khai đó là ma túy (Loại heroin). Công an huyện Nông Cống đã tiến hành lập biên bản thu giữ, niêm phong vật chứng (Ký hiệu T); Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 300.000đ Tuần vừa bán ma túy cho Lê Văn Đ.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Do Lê Văn Đ và Hoàng Như T1 quen biết từ trước nên ngày 24/3/2023, Lê Văn Đ đã sử dụng số điện thoại 0368.713.605 gọi đến số điện thoại 0969591645 cho T1 hỏi mua 01 gói ma túy với giá 300.000đ để sử dụng. T1 đồng ý và hẹn nhau đến cổng làng Thượng Văn (Thuộc địa phận thôn T3 xã T2) để giao dịch mua bán ma túy. Đ điều khiển xe mô tô BKS 36B1 - 164.16 mang tên Mai Thị H1 mà Đ mua lại của một cửa hàng xe máy cũ tại thành phố Thanh Hóa nhưng chưa làm thủ tục sang tên đến điểm hẹn nhưng không thấy T1 nên Đ gọi điện thoại cho T1 và nói “*Đã đến nơi rồi anh ra đi*”. T1 đi bộ ra đưa cho Đ 01 gói ma túy, Đ đưa cho T1 - 300.000đ. Đ cầm gói ma túy bỏ vào túi quần sau rồi điều khiển xe về. Khi đi đến địa phận thuộc Tiểu khu G, thị trấn N, huyện N thì bị bắt quả tang.

Về nguồn gốc ma túy, Hoàng Như T1 khai mua của một người đàn ông lạ mặt tại bến xe G, thành phố H2 với giá 2.500.000đ cách ngày bị bắt khoảng 5 đến 6 ngày. T1 không biết tên, tuổi, địa chỉ của người bán ma túy cho mình.

Ngày 26/3/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Công ra quyết định trưng cầu giám định số 58/CSĐT trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định số ma túy trên.

Tại kết luận số 1261/PC09 ngày 30/3/2023, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột dạng cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 0,242g (*Không thấy hai bốn hai gam*), loại Heroin.

- Chất bột dạng cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu T gửi giám định là ma túy có tổng khối lượng 1,406g (*Một thấy bốn không sáu gam*) loại Heroin.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Hoàng Như T1 ở bến xe G, T1 không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để xác minh, xử lý đối tượng đã bán ma túy cho Hoàng Như T1.

Tại bản cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 22/5/2023 Viện kiểm sát nhân dân (Viết tắt là VKSND) huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Văn Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (Viết tắt là BLHS); Hoàng Như T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nông Công giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (Viết tắt là HĐXX) áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Lê Văn Đ, xử phạt Lê Văn Đ mức án từ 15 đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 251 điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Hoàng Như T1, xử phạt bị cáo Hoàng Như T1 mức án từ 38 đến 42 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Lê Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo, Hoàng Như T1 không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, bản thân đang điều trị bệnh HIV/AIDS nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Đề nghị tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 02 diện thoại di động; tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 300.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVES, BKS 36B1- 164.16 và đề nghị tịch thu, tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định. Buộc bị cáo T1 phải chịu án phí theo quy định; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đại .

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn Đ thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh theo khoản 1 Điều 249 BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự; miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan và người trong cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là đúng quy định.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định được: Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 24/3/2023, tại Tiểu khu Nam G, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Công an huyện Nông Cống phát hiện và bắt quả tang Lê Văn Đ, sinh năm 1988 đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy có khối lượng 0,242g, loại Heroin mua của Hoàng Như T1 ở xã T2, huyện N. Sau khi biết Lê Văn Đ bị bắt, Hoàng Như T1 đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Nông Cống xin đầu thú về hành vi bán trái phép 01 tép (gói) Heroin cho Lê Văn Đ lấy 300.000đ, đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra 14 tép (gói) Heroin có tổng khối lượng 1,406g. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với vật chứng thu được và các tài liệu chứng cứ khác phản ánh trong vụ án.

[3] Xét tính chất của vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng. Các tội phạm về ma túy đang là vấn nạn trong đời sống xã hội, làm tha hoá về mặt đạo đức và lối sống của một bộ phận không nhỏ tầng lớp thanh thiếu niên, là một trong những nguyên nhân làm gia tăng tình hình tội phạm và các loại tệ nạn khác, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm để giáo dục và phòng ngừa chung. Đối với Lê Văn Đ do là người nghiện ma túy nên ngày 24/3/2023 đã mua 01 gói ma túy với giá 300.000đ của Hoàng Như T1 tàng trữ để sử dụng thì bị bắt quả tang; còn Hoàng Như T1 đã có hành vi mua ma túy của một người đàn ông không quen biết tại bến xe G, thành phố H2 với số tiền 2.500.000đ được 1,648g heroin đem về bán kiếm lời, ngày 24/3/2023 T1 đã bán trái phép cho Lê Văn Đ 01 gói ma túy với trọng lượng 0,242g loại Heroin lấy 300.000đ. Hành vi mua bán trái phép 1,648g, loại heroin của Hoàng Như T1 và hành vi tàng trữ trái phép 0,242g loại heroin của Lê Văn Đ như kết luận giám định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý các chất ma túy của nhà nước. Mặc dù các bị cáo biết rõ tác hại của ma túy và hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra nhưng vì thỏa mãn nhu cầu nghiện và háms lời nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Đủ cơ sở để HĐXX khẳng định hành vi của bị cáo Lê Văn Đ đã cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS; hành vi của bị cáo Hoàng Như T1 đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS. Cáo trạng của VKSND huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa truy tố đối với các bị cáo là chính xác.

[4] Đánh giá về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Cả 2 bị cáo đều không có tiền án, tiền sự; Với Lê Văn Đ, ngày 01/8/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và là người nghiện ma túy; Đối với Hoàng Như T1, năm 2015 đã bị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nên các bị cáo là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên HĐXX áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Đối với bị cáo T1 sau khi bán ma túy cho Đ, thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên đã ra đầu thú vì vậy được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5] Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Lê Văn Đ; áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 BLHS đối với bị cáo Hoàng Như T1 xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất của vụ án, hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Lời bào chữa cho bị cáo Đ là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Hoàng Như T1 không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, bản thân bị mắc bệnh hiểm nghèo đang điều trị HIV; Bị cáo Lê Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 phong bì niêm phong bì do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín chứa mẫu vật còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu và tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh dương; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 xe mô tô màu đen - xám nhãn hiệu WAVES, BKS 36B1-164.16 và 300.000đ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[8] Về án phí: Bị cáo Hoàng Như T1 phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật; Bị cáo Lê Văn Đ thuộc diện hộ cận nghèo và xin được miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí HSST cho Lê Văn Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy";

Căn cứ khoản 1 Điều 251 BLHS: Tuyên bố bị cáo Hoàng Như T1 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy";

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 BLHS và Điều 329 BLTTHS đối với Lê Văn Đ; Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS và Điều 329 BLTTHS đối với Hoàng Như T1:

Xử phạt: Lê Văn Đ 16 (Mười sáu) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/3/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

Xử phạt: Hoàng Như T1 - 38 (Ba mươi tám) tháng tù. Hạn tù tính từ ngày tạm giữ (24/3/2023). Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, nộp vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh dương; 01 điện thoại di động NOKIA màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVES, BKS 36B1- 164.16 và 300.000đ tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Tịch thu, tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong đựng mẫu vật hoàn trả lại sau giám định.

Chi tiết vật chứng của vụ án được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Nông Công và Chi cục thi hành án dân sự huyện Nông Cống lập ngày 23/5/2023.

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 21 và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 đối với Hoàng Như T1; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đối với Lê Văn Đ. Buộc Hoàng Như T1 phải nộp 200.000đ án phí HSST; miễn án phí HSST cho Lê Văn Đ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/6/2023).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Công an huyện Nông Cống;
- Cơ quan THA hình sự;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Lê Xuân Tuyên

